

Bản án số: 07 /2019/ HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 10 năm 2019

V/v Tranh chấp HNGĐ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Tuấn

2. Bà Lê Thị Khuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 67/ 2019/ TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019, về " HNGĐ " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị T - Sinh năm 1985 (có mặt).

HKTT: thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Chỗ ở hiện nay: số nhà 97, tổ 10 phường T, thành phố T, tỉnh TN

- Bị đơn: Anh Hà Văn H - Sinh năm 1986 (có mặt).

Trú tại: thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 26/ 7/ 2019, bản tự khai nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân chị T có được tự nguyện tìm hiểu tình cảm lẫn nhau với anh H rồi đi đến tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh, chị chung sống rất hạnh phúc đến năm 2010, thì chị T và anh H luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ đó cho đến

nay không còn quan tâm tình cảm với nhau nữa, chị T đề nghị được ly hôn anh H theo pháp luật.

Về con chung: chị T, anh H có một con chung là Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000,đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại bản tự khai ngày 29/7/2019 bị đơn anh Hà Văn H nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn là chị T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống cuộc sống của vợ không hạnh phúc do hai bên sống không hợp nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh H, anh H nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh H thống nhất xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007, hiện con đang ở với chị T. Ly hôn nếu chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh H cũng nhất trí để con cho chị T nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Ngày 06/ 9/ 2019 Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ, cùng ngày Tòa án tiến hành hòa giải có đầy đủ các đương sự. Tại phiên hòa giải thấy: Về quan hệ hôn nhân chị T, anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật;

Chị T, anh H đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về con chung, về nợ chung không có, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết: Cụ thể, về con chung chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.000.000,đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Ngày 03/9/2019 Tòa án nhân dân huyện N có công văn số 512 gửi Ủy ban nhân dân xã C, huyện N về việc đề nghị Ủy ban nhân dân xã sao chụp giấy chứng nhận kết hôn, trường hợp không có thì trả lời kết quả cho Tòa án bằng văn bản.

Ngày 05/9/2019 Ủy ban nhân dân xã Côn Minh có công văn số 83/CV-UBND trong công văn nêu trong quá trình kiểm tra, rà soát sổ hộ tịch hiện đang lưu trữ tại UBND xã C thấy anh Hà văn H và chị Lý Thị T không có trong sổ đăng ký kết hôn hiện đang lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã C.

Ngày 25/ 10/ 2019 Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L đối với chị T, anh H có đăng ký kết hôn hay không? qua xác minh từ thời điểm năm 2005 đến nay tại Ủy ban nhân xã L không có trường hợp nào đăng ký kết hôn có tên Lý Thị T, Hà Văn H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giải quyết vụ án .

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53, 81, 82, 83, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị T, anh H là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là: Hà Thế Việt, sinh ngày 25/11/2007 cho chị Lý Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.000.000,đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị giải quyết

Về án phí: Căn cứ Điều 147BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 chị Lý Thị T phải chịu 300.000,đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hà Văn H phải chịu 300.000,đ án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ , lời khai của các đương sự đã thu thập, biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định rằng:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Lý Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án được ly hôn với anh Hà văn H và giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn. Anh Hà Văn H là bị đơn hiện nay cư trú tại xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân chị T, anh H có được tự nguyện tìm hiểu tình cảm lẫn nhau rồi đi đến tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu cuộc sống gia đình rất hạnh phúc đến năm 2010, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau do bất đồng quan điểm và chị T, anh H sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm tình cảm của nhau nữa, nay chị T thực sự không thể kéo dài chung sống với anh H được nữa đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn theo pháp luật. Việc chị T, anh H chung sống với nhau từ năm 2006 bởi lẽ có tổ chức lễ cưới, về chung sống với nhau, được cả hai bên gia đình chấp nhận và được mọi người trong thôn cũng như nhiều người khác chứng kiến, thực sự từ ngày cưới lúc đầu chị T, anh H chung sống hạnh phúc chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau xây dựng gia đình về mọi mặt, về con chung chị T, anh H sinh được một con chung là

Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007 đang độ tuổi nuôi ăn học, chăm sóc của cha, mẹ. Tuy nhiên, chị T, anh H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa chị T, anh H khẳng định từ năm 2006 tổ chức đám cưới chung sống với nhau đến khi xin ly hôn thì chị T, anh H không có đăng ký kết hôn. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không được công nhận chị T, anh H là quan hệ vợ chồng là phù hợp.

[3] Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh H với nhau được như sau:

[3.1] Về con chung: chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.000.000,đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

Sau khi ly hôn anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.2] Về tài sản chung: chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết .

[3.3] Về nợ chung: Không có

[4] Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Lý Thị T, anh Hà Văn H là quan hệ vợ chồng, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Hà Thế V, sinh ngày 25/11/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.000.000,đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T

[5] Về án phí: chị Lý Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Hà Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T với anh Hà Văn H.

[2] Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Lý Thị T và anh Hà Văn H như sau:

[2.1]. Về con chung:

Chị Lý Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Hà Thế Việt, sinh ngày 25/11/2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T là 1.000.000,đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, khoản tiền phải thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Hà Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.2] Về tài sản chung: Chị Lý Thị T, anh Hà Văn H không yêu cầu nên không được đặt ra để xem xét, giải quyết; Về nợ chung không có

[3] Về án phí: Căn Cứ điều 147/ BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 của Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án . Chị Lý Thị T phải chịu 300.000, đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai số: 06757 ngày 29/ 7/ 2019 tại Chi cục THADS huyện N. Anh Hà Văn H phải chịu 300.000,đ tiền án phí cấp dưỡng.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự "

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Nguyên đơn, bị đơn; Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã C, L;
- Lưu HSVA;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Luân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã Côn Minh, Lương Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu HSVA;
- Lưu TA.

Lý Thị Luân